

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 08/2006/TT-BTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2006

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn cách xác định xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
có xuất xứ không thuần túy theo Nghị định số 19/2006/NĐ-CP
ngày 20 tháng 2 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết***

Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

Bộ Thương mại hướng dẫn cách xác định xuất xứ đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này hướng dẫn cách xác định xuất xứ cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có xuất xứ không thuần túy quy định tại Điều 8 của Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 2 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

b) Hàng hóa xuất khẩu thuộc diện được hưởng ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập sẽ áp dụng quy tắc xuất xứ của nước nhập khẩu để xác định xuất xứ cho hàng hóa đó;

c) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế quan hoặc phi thuế quan theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập sẽ áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam quy định chi tiết các quy tắc xuất xứ thuộc các điều ước quốc tế nói trên.

2. Nguyên tắc chung

Hàng hóa được xác định xuất xứ theo hướng dẫn tại Thông tư này sẽ có xuất xứ của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi thực hiện quy trình sản xuất cuối cùng làm thay đổi cơ bản hàng hóa này.

II. CÁCH XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA

1. Tiêu chí "Chuyển đổi mã số hàng hóa"

a) "Chuyển đổi mã số hàng hóa" là sự thay đổi về mã số HS của hàng hóa ở cấp bốn (04) số so với mã số HS của nguyên liệu không có xuất xứ (bao gồm nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu không xác định được xuất xứ) dùng để sản xuất ra sản phẩm đó;

b) Mã số HS ở cấp bốn (04) số của hàng hoá nêu tại điểm a, khoản 1, mục II của Thông tư này được xác định trên cơ sở các quy định hiện hành.

2. Tiêu chí "Tỷ lệ phần trăm của giá trị"

a) "Tỷ lệ phần trăm của giá trị" là phần giá trị gia tăng có được sau khi một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, gia công, chế biến các nguyên liệu không có xuất xứ từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ này so với tổng trị giá của hàng hoá được sản xuất ra;

b) Phần giá trị gia tăng nói trên phải đạt ít nhất 30% của giá trị hàng hóa được sản xuất ra và được thể hiện theo công thức sau:

$$\frac{\text{Giá FOB} - \text{Giá nguyên liệu không có xuất xứ từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất}}{\text{Giá FOB}}$$
$$\times 100\% \geq 30\%$$

c) "Nguyên liệu không có xuất xứ từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất" bao gồm nguyên liệu có xuất xứ từ một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác và nguyên liệu không rõ xuất xứ;

d) "Giá nguyên liệu không có xuất xứ từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất" là giá CIF của nguyên liệu nhập khẩu trực tiếp (đối với nguyên liệu có xuất xứ từ một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác) hoặc giá tại thời điểm mua vào ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng (đối với nguyên liệu không rõ xuất xứ) dùng để sản xuất, gia công, chế biến ra sản phẩm cuối cùng;